

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 25/2025/CV-BHHC-KTVT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Thủy điện Bắc Hà” và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà, địa chỉ tại thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Thủy điện Bắc Hà có địa chỉ tại thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Thủy điện Bắc Hà.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 8 năm 2019.

1.4. Mã số thuế: 5300240587.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất điện (Thủy điện).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có quy mô tương đương dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích sử dụng đất: 856,8177 ha.
- Công suất phát điện: 90 MW.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà có trách nhiệm:
  - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
  - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
  - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
  - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
  - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

### **Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm**

(từ ngày ..... tháng ..... năm 2025 đến ngày ..... tháng ..... năm 2032).

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- UBND tỉnh Lào Cai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Lào Cai;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà;
- Lưu: VT, KSONMT, L.12.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BTNMT ngày tháng năm 2025  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

###### 1.1. Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh tại khu vực Nhà máy thủy điện.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh tại khu vực Nhà quản lý, vận hành.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà bếp.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hệ thống lọc nước cấp sinh hoạt.

###### 1.2. Nước thải sản xuất:

- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất (nước rò rỉ nhiễm dầu từ hoạt động của cơ sở, nước thải nhiễm dầu phát sinh khi bảo trì, sửa chữa).

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải số 01 (tương ứng nguồn thải số 01): Nước thải sinh hoạt sau xử lý được xả ra kênh xả nước hạ lưu thủy điện rồi chảy ra sông Chảy thuộc địa bàn xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Chảy, đoạn sông chảy qua xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

###### 2.1.2. Vị trí xả nước thải:

- Cơ sở Thủy điện Bắc Hà thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Tọa độ điểm xả nước thải: X = 2489873; Y = 442647 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

###### 2.1.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý tự chảy qua đường ống thoát nước vào kênh xả sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Chảy.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.1.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.1.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>-3</sup> ) (tính theo P)	mg/l	7,2		
11	Coliform	MPN/100 ml	3.000		

2.2. Dòng nước thải số 02 (trương ứng nguồn thải số 02, 03, 04): Nước thải sinh hoạt sau xử lý được xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực, sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Chảy, thuộc địa bàn xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Chảy, đoạn sông chảy qua địa bàn xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

2.2.2. Vị trí xả nước thải:

- Cơ sở Thủy điện Bắc Hà thuộc Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Tọa độ điểm xả thải: X= 2489677; Y= 416856 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5,0 m<sup>3</sup>/ ngày đêm.

2.2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực, sau đó xả ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Chảy.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>-3</sup> ) (tính theo P)	mg/l	7,2		
11	Coliform	MPN/100 ml	3.000		

2.3. Dòng nước thải số 03 (tương ứng nguồn thải số 05): Nước thải công nghiệp sau xử lý được xả ra kênh xả nước hạ lưu thủy điện, sau đó xả ra sông Chảy thuộc địa bàn xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

2.3.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Chảy, đoạn sông chảy qua địa bàn xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

2.3.2. Vị trí xả nước thải: Sông Chảy thuộc địa bàn xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Cơ sở Thủy điện Bắc Hà thuộc Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Tọa độ điểm xả thải: X = 2489873; Y = 442647 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5,6 m<sup>3</sup>/ ngày đêm.

2.3.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau xử lý tự chảy qua đường ống thoát nước vào kênh xả, sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Chảy.

- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt, xả từ trên cao.

2.3.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.

2.3.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K<sub>q</sub> = 0,9 và K<sub>f</sub> = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	32,4		
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	54		
4	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4		
5	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/l	0,216		

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/l	5,4		
7	Tổng nitơ	mg/l	21,6		
8	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	3.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực Nhà máy thủy điện được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 3,324 m<sup>3</sup>), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối công suất 2 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu Nhà quản lý, vận hành được xử lý sơ bộ qua 27 bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 4,8542 m<sup>3</sup>/01 bể) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ 03 ngăn (dung tích 80 lít) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hệ thống lọc nước cấp sinh hoạt dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải rò rỉ từ hoạt động của cơ sở và nước thải nhiễm dầu phát sinh khi bảo trì, sửa chữa được thu gom về bể chứa nước nhiễm dầu 02 ngăn (dung tích 160 m<sup>3</sup>) sau đó bơm theo đường ống về bể tách dầu công suất 1,5 m<sup>3</sup>/giờ để xử lý.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

##### **1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối → Xả thải.

- Số lượng: 28 bể.

- Tổng dung tích 134,39 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh (hoặc hóa chất, vật liệu khác tương đương và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.1.3.3 và Mục 2.2.3.3 Phần A Phụ lục này).

##### **1.2.2. Bể tách mỡ**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhà bếp → Song chắn rác → Ngăn chứa → Ngăn lắng, tách mỡ 01 → Ngăn lắng, tách mỡ 02 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối.

- Dung tích: 80 lít.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

**1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Số lượng: 02 hệ thống.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn lọc, khử trùng → Nguồn tiếp nhận.
- Công suất thiết kế:
  - + 01 hệ thống tại khu vực Nhà máy thủy điện: 02 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
  - + 01 hệ thống tại khu vực Nhà quản lý vận hành: 05 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B (hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.1.3.3 và Mục 2.2.3.3 Phần A Phụ lục này).

**1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhiễm dầu → Bể thu nước lẫn dầu 2 ngăn → Bể tách dầu → Kênh xả → Nguồn tiếp nhận.
- Công suất thiết kế: 1,5 m<sup>3</sup>/giờ (36 m<sup>3</sup>/ngày đêm).
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vải thấm dầu, Cloramin B (hoặc các vật liệu, thiết bị, hóa chất khác tương đương đảm bảo xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3.3 Phần A Phụ lục này).

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hiệu quả xử lý của từng công đoạn, đảm bảo nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn xả thải theo quy định.
- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và trang bị thiết bị dự phòng thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.
- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các công trình xử lý để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.
- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu vực xử lý.
- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý.
- Trường hợp chất lượng nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất sau xử lý không đáp ứng yêu cầu quy định tại Phần A của Phụ lục này, dừng hoạt động xả nước thải ra nguồn tiếp nhận; tiến hành kiểm tra, khắc phục; ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để thực hiện chuyển giao, xử lý trong trường hợp sự cố kéo dài, các bể xử lý không đủ năng lực lưu chứa.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** 06 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

**2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 2 m<sup>3</sup>/ngày đêm khu vực nhà máy thủy điện.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm khu vực Nhà quản lý vận hành.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất (nước thải nhiễm dầu) công suất 1,5 m<sup>3</sup>/giờ (36 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu nước thải: 06 vị trí.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 2 m<sup>3</sup>/ngày đêm khu vực nhà máy thủy điện:

- + Bể gom nước thải đầu vào trước hệ thống xử lý;

- + Cuối đường ống nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm khu vực Nhà quản lý vận hành:

- + Bể gom nước thải đầu vào trước hệ thống xử lý;

- + Cuối đường ống nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 1,5 m<sup>3</sup>/giờ (36 m<sup>3</sup>/ngày đêm):

- + Bể chứa nước thải đầu vào;

- + Cuối đường ống nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép tương ứng quy định tại Mục 2.1.3.3, Mục 2.2.3.3 và Mục 2.3.3.3 Phần A của Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/BTNMT, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do chủ Cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.1.3.3, Mục 2.2.3.3 và Mục 2.3.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường.



**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BTNMT ngày tháng năm 2025  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Hoạt động của tổ máy số 01.
- Nguồn số 02: Hoạt động của tổ máy số 02.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Cơ sở Thủy điện Bắc Hà thuộc địa bàn xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Nguồn số 01: X = 2489880; Y = 442680.
- Nguồn số 02: X = 2489875; Y = 442699.
- Nguồn số 03: X = 2489918; Y = 442681.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không áp dụng	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không áp dụng	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị của dự án để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vật thể dùng để màu đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp)	07 03 10	20
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	5
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	20
4	Dầu bôi trơn (từ động cơ, hộp số thiết bị nhà máy)	17 02 02	200
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	100
6	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 04	1.600
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	310
8	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	19 02 06	20
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	792
10	Chất thải lẫn dầu (từ việc vệ sinh các bồn thùng)	19 07 01	100
<b>Tổng cộng</b>			<b>3.167</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	6
2	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải (phát sinh từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt)	60
3	Chất thải trôi từ thượng nguồn về lòng hồ (cành cây, lá cây, tre nứa)	12.150
<b>Tổng cộng</b>		<b>12.216</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 5,11 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (CTNH):**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa kín có nắp đậy, dán nhãn theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa CTNH:

- Kho lưu giữ CTNH: 01 kho.

- Diện tích 80,4 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có nền bê tông, mái che, tường bao, dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn, bình chữa cháy, lắp biển báo, dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn, bình chữa cháy và thiết bị, vật liệu phòng chống sự cố môi trường, có rãnh và hố thu gom phòng ngừa chất thải lỏng chảy tràn.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí.

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại, tập kết tại các thùng chứa rác loại 100 lít có nắp kín và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Theo dõi thường xuyên đập đập dâng, hồ chứa và hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ, vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành của cơ sở; thường xuyên kiểm tra, giám sát xói lở dọc hai bờ sông Chảy phía hạ lưu đập trong quá trình vận hành để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở gây ra.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung của Phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước công trình Thủy điện Bắc Hà tại xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt tại Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2023. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 888/QĐ-BTNMT ngày 11/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Thủy điện Bắc Hà tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai”; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định. Thu gom, quản lý rác, cành, rễ cây trôi từ thượng nguồn về hồ chứa.

2. Thực hiện giám sát các thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ; thường xuyên theo dõi hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình dự án đi vào vận hành. Duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các đập, hồ chứa, của các công trình thủy lợi, thủy điện.

3. Thực hiện giám sát các thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ; thường xuyên theo dõi hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình dự án đi vào vận hành.

4. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

5. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.